

Số: 182/2020/QĐST-HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Xóm 9, xã D, huyện S, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Lê Văn N Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Xóm 9, xã D, huyện S, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Lê Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Công nhận hai cháu Lê Minh T, sinh ngày 06/5/2015 và Lê

Tú L, sinh ngày 25/12/2017. Hai bên thống nhất giao cháu Lê Tú L cho mẹ cháu là chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên; giao cháu Lê Minh T cho bố cháu là anh Lê Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên; không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Lê Văn N và chị Lê Thị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con (mà mình không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng), mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng do vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về các vấn đề khác: Tài sản nợ người ngoài, người ngoài nợ vợ chồng, tài sản riêng của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn N tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp. Trả lại cho chị Lê Thị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2018/0003984 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn;
- UBND xã D;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Đại Long